TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 0/2023/DS - PT
Ngày: 06-9-2023
V/v tranh chấp: Chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử Ph thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dần - K sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử Ph thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLPT-TC ngày 10 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp: "CHia thừa kế tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Ph thẩm số: 166/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lều Văn CH, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông CH: Bà Phạm Thị Ninh – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Minh Đức – Đoàn luật sư tỉnh Nam Định. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Lều Quang H, sinh năm 1955

Địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1956; Địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 18-8-2023)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:*

1. Bà Lều Thị CH1, sinh năm 1947; địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Ông Lều Văn Ph, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

3. Ông Lều Văn K, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Có mặt.

4. Ông Lều Văn A, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm Tây Bình, xã Hải Triều, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Lều Văn Kh1, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Có mặt.

6. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Có mặt.

7. Chị Lều Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 15, xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Bà Phạm Thị X; Địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

8. Chị Lều Thị TH1, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 5, xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị TH1: Bà Phạm Thị X; Địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

9. Anh Lều Văn Qu, sinh năm 2003; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Qu: Bà Phạm Thị X; Địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Có mặt.

10. Bà Lại Thị H2, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Lều Thị CH1, ông Lều Văn A*: Ông Lều Văn CH, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lều Thị H3, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Ông Trần Văn K - Nguyên Phó chủ tịch UBND xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-5-2022, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lều Văn CH trình bày*:

Bố ông là cụ Lều Văn Hỗ, sinh năm 1917, chết ngày 21/12/1981; kết hôn với cụ Nguyễn Thị My, chết năm 1955. Cụ Hỗ, cụ My sinh được 03 người con

chung là bà Lều Thị CH1, ông Lều Ngọc Châu (chết năm 1972 chưa có vợ con), ông Lều Văn H (Lều Quang H). Sau khi cụ My chết, cuối năm 1955 cụ Hỗ kết hôn với cụ Vũ Thị Nụ (cụ Lều Thị Hỗ), sinh được 06 người con chung gồm: Ông Lều Văn Ph, Lều Văn K, Lều Văn A, Lều Văn Kh1, Lều Văn Lạc và ông là Lều Văn CH. Cụ Nụ chết ngày 21/3/2007. Năm 2019 ông Lạc chết; ông Lạc có vợ là Phạm Thị X và 03 con là: Lều Thị L, Lều Thị TH1, Lều Văn Qu. Ngoài ra các cụ và ông Lạc không có người con nào khác.

Cụ Hỗ cùng cụ My được bố mẹ là cụ Lều Văn Sơn cho thổ đất hiện nay tại xóm 5, xã Hải Phương (vợ chồng cụ Sơn đều đã chết trước cụ My). Sau đó, do cụ Lều Văn Hỗ và cụ Vũ Thị Nụ quản lý và xây một nhà trên đất vào năm 1974. Đến ngày 20/11/1996, toàn bộ thổ đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P426881, đứng tên hộ bà Lều Thị Hỗ (lấy theo tên của Lều Văn Hỗ, đã đính CHnh thành hộ bà Vũ Thị Nụ) gồm tờ bản đồ số 7 thửa 41, diện tích 620m^2; tờ bản đồ số 7, thửa 37, diện tích 200m^2. Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay do ông CH giữ.

Cụ Lều Văn Hỗ và cụ Nguyễn Thị My chết đều không để lại di chúc. Riêng cụ Vũ Thị Nụ có di chúc ngày 25/4/2003 được UBND xã Hải Phương chứng thực.

Từ khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống cùng cụ Nụ trên thổ đất. Quá trình sử dụng, quản lý nhà đất thì vợ chồng ông có sửa chữa và xây dựng một số công trình: Năm 1992, xây thêm khu vệ sinh, nhà tắm, năm 2016 tu sửa lại nhà cấp bốn của hai cụ, lợp mái tôn. Khi còn sống, cụ Nụ đã tự đo và căng dây cho đất ông theo đúng bức tường mà vợ chồng đã xây trên thửa 37, tờ bản đồ số 7 vào năm 2021. Ngoài ra không ai xây sửa gì khác. Theo di chúc cụ Nụ giao cho vợ chồng ông sử dụng ngôi nhà trên đất. Tuy nhiên, năm 2020, theo di nguyện của cụ Nụ, anh em họp bàn về việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì ông Kh1 không ký giấy tờ và yêu cầu ông đưa cho ông Kh1 04 (bốn) chỉ vàng 9999 thì ông Kh1 mới ký cho. Vì muốn giải quyết êm đẹp vợ chồng ông đã giao cho ông Kh1 4 chỉ vàng theo yêu cầu của ông Kh1 để ông Kh1 ký giấy tờ nhưng sau đó ông Kh1 thay đổi ý kiến không ký giấy tờ cho ông. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho mình, ông có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, Chia di sản thừa kế tài sản bố mẹ để lại theo di chúc của cụ Lều Thị Hỗ ngày 25-4-2003. Nếu di chúc không hợp pháp, đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc và phân Chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật. Ông xin nhận phần mình được hưởng bằng hiện vật, để vợ là bà Lại Thị H2 được hưởng cùng và vợ chồng ông bà cùng có trách nhiệm TH1 toán chênh lệch giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác (nếu có).

** Bị đơn là ông Lều Quang H(Lều Văn H) trình bày:* Ông đồng ý với phần trình bày trên của ông CH về mối quan hệ huyết thống gia đình và nguồn gốc di sản các cụ để lại, thời điểm cụ Lều Văn Hỗ, cụ Nguyễn Thị My, cụ Vũ Thị Nụ chết. Cụ Lều Văn Hỗ và cụ Nguyễn Thị My chết không để lại di chúc còn cụ Vũ Thị Nụ có để lại di chúc hay không thì ông không được biết. Ông CH chưa bao giờ công bố di chúc của cụ Nụ. Nhưng để giữ tình cảm gia đình, trước đây ông cũng đồng ý thực hiện thủ tục cho đất ông CH nên đã cung cấp bản sao Căn cước

công dân và Sổ hộ khẩu nhưng sau đó vì mâu thuẫn gia đình anh em không thống nhất được với nhau nên chưa thực hiện xong được. Về phần xây sửa nhà và các công trình trên đất như ông CH khai nhận là đúng. Nhưng cụ Nụ chưa bao giờ căng dây, đo đất, cho đất ông CH nên đề nghị buộc vợ chồng ông CH có trách nhiệm tháo rỡ bức tường. Nay ông CH khởi kiện, ông đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc và phân Chia di sản theo

di chúc và pháp luật. Ông xin nhận phần mình được hưởng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là ông Lều Văn K trình bày:* Ông đồng ý với phần trình bày trên của ông CH về mối quan hệ huyết thống gia đình và nguồn gốc di sản các cụ để lại, thời điểm cụ Lều Văn Hỗ, cụ Nguyễn Thị Mỵ, cụ Vũ Thị Nụ chết, về các công trình trên đất. Ông không biết cụ Nụ có căng dây đo đất hay không. Về bức tường vợ chồng ông CH đã xây ông không có ý kiến gì. Ông chưa bao giờ nghe các cụ nói nhà để lại cho ai nhưng từ sau khi các cụ chết thì do vợ chồng ông CH quản lý xây sửa như hiện nay là đúng. Còn ông Kh1 đã nhận của ông CH 4 (bốn) chỉ vàng là đúng. Cụ Nụ chết để lại di chúc cho ông 180m^2 và thực tế ông đã quản lý phần đất này ở phía đông thổ từ lâu, chỉ trồng cấy mà chưa có xây dựng các công trình gì nên nay ông đề nghị Tòa án công nhận di chúc. Nếu di chúc không hợp pháp, đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc và phân Chia theo di chúc và theo pháp luật. Ông xin nhận phần mình được hưởng bằng hiện vật tại phần đang do ông quản lý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là ông Lều Văn Ph trình bày:* Ông đồng ý với phần trình bày trên của ông CH về mối quan hệ huyết thống gia đình và nguồn gốc di sản các cụ để lại, thời điểm cụ Lều Văn Hỗ, cụ Nguyễn Thị Mỵ, cụ Vũ Thị Nụ chết, về các công trình trên đất. Ông không biết cụ Nụ có căng dây đo đất hay không thì ông không được biết. Về bức tường vợ chồng ông CH đã xây ông không có ý kiến gì. Ông chưa bao giờ nghe các cụ nói nhà để lại cho ai nhưng từ sau khi các cụ chết thì do vợ chồng ông CH quản lý. Còn ông Kh1 đã nhận của ông CH 4 (bốn) chỉ vàng là đúng. Cụ Nụ chết để lại di chúc cho ông K 180m^2, ông CH đang quản lý sử dụng 440m^2 và thực tế ông K, ông CH đã quản lý hai phần đất này từ lâu, ông K chỉ trồng cấy mà chưa có xây dựng các công trình gì nay ông đề nghị Tòa án công nhận di chúc. Nếu di chúc không hợp pháp, đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc và phân Chia theo di chúc và pháp luật. Ông xin nhận phần mình được hưởng bằng hiện vật và cho lại ông Lều Văn CH.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là ông Lều Văn Kh1 trình bày:* Ông Kh1 có quan điểm thống nhất với phần trình bày của ông H. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, riêng phần đất 200m^2 tại thửa 37, tờ bản đồ 7 tại xã Hải Phương để cho ông H quản lý, làm nơi thờ cúng tổ tiên; phần còn lại Chia theo quy định pháp luật, ông cũng đồng ý nhận phần mình được hưởng. Khi cụ Hỗ, cụ Nụ còn sống có nói ngôi nhà trên đất cho ông Kh1 và ông CH nên ông CH đã trả cho ông 04 (bốn) chỉ vàng chỉ là ông CH trả tiền nhà cho ông còn đất thì chưa TH1 toán. Về phần này ông cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Nếu phải trả lại cho vợ chồng ông CH thì ông cũng nhất trí trả.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là bà Phạm Thị X, chị Lều Thị L, chị Lều Thị TH1 trình bày:* Đồng ý với phần trình bày trên của ông CH về mối quan hệ huyết thống gia đình và di sản do bố mẹ để lại. Về phần xây sửa các công trình trên đất như ông CH khai nhận là đúng. Cụ Nụ chưa bao giờ căng dây, đo đất như ông CH nói nên về bức tường vợ chồng ông CH tự xây, tự có trách nhiệm tháo rỡ.

Bà X trình bày: chưa bao giờ nghe các cụ nói nhà để lại cho ai nhưng từ sau khi các cụ chết thì do vợ chồng ông CH quản lý. Còn ông Kh1 đã nhận của ông CH 4 (bốn) chỉ vàng là đúng. Bà X, chị L, chị TH1 đều cho rằng không biết cụ Nụ có để lại di chúc hay không nhưng nếu hòa giải được thì cũng đồng ý cho ông CH được sử dụng 440m^2, tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 7, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Lều Thị Hỗ (Vũ Thị Nụ) tại xã Hải Phương và được sở hữu các công trình trên đất, phần còn lại đề nghị để nguyên tên cụ Lều Thị Hỗ (Vũ Thị Nụ), không Chia. Trường hợp buộc phải phân Chia theo quy định pháp luật, đề nghị để phần đất 200m^2 tại thửa 37, tờ bản đồ 7 tại xã Hải Phương cho ông H quản lý, làm nơi thờ cúng tổ tiên; phần còn lại Chia theo quy định pháp luật cũng đồng ý nhận phần mình được hưởng và Chia chung phần với nhau và tự phân Chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là bà Lại Thị H2 trình bày:* Bà H2 đồng ý phần trình bày trên của ông CH.Vào năm 2020 khi đi làm thủ tục sang tên đất theo di chúc của cụ Nụ thì ông Kh1 không đồng ý nên các bên đã phải tự thỏa thuận. Theo đó vợ chồng ông bà đã trả cho ông Kh1 nhận đủ 4 (bốn) chỉ vàng 9999 để ông Kh1 ký kết cho vợ chồng bà sang tên đất. Nhưng sau khi nhận vàng xong ông Kh1 không ký nữa. Nay bà xin được nhận phần được Chia cùng ông CH và chịu trách nhiệm TH1 toán chênh lệch cho đương sự khác nếu có, cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm với ông CH.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là bà Lều Thị CH1, ông Lều Văn A*: Thống nhất quan điểm với ông CH về mối quan hệ huyết thống trong gia đình, quá trình sử dụng đất như ông CH khai nhận là đúng. Riêng bà CH1 có ý kiến di sản của cụ Nguyễn Thị My là tài sản chung chưa Chia, giữa bà và các đồng thừa kế của cụ My cũng không có thỏa thuận gì về việc phân Chia tài sản của cụ My. Bà CH1, ông An đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và phần mình được hưởng để lại cho ông Lều Văn CH.

* Anh Lều Văn Qu không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, theo bà X anh Qu đã được nhận các văn bản tố tụng, tài liệu, chứng cứ đầy đủ nhưng hiện nay ở xa không về Tòa án làm việc được, quan điểm của anh Qu cũng nhất trí với quan điểm của bà X và anh Qu có ý kiến xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án.

- Người làm chứng là chị Lều Thị H3 và ông Trần Văn K có lời khai thống nhất: Chị H3 là con gái của ông Lều Văn Ph, cháu nội của cụ Vũ Thị Nụ được cụ Nụ nhờ viết di chúc giúp cụ, khi đó chị H3 đã thành niên. Thời điểm lập di chúc cụ Nụ hoàn toàn minh mẫn, việc lập di chúc là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Di chúc được lập theo đúng nguyện vọng của cụ như nội dung bản di

chúc mà ông CH giao nộp cho Tòa án. Ông Trần Văn K Nguyên là Phó chủ tịch UBND xã Hải Phương chứng kiến quá trình cụ lập di chúc. Sau khi di chúc được lập xong, ông K đã đọc lại nội dung bản di chúc cho cụ Nụ nghe, cụ Nụ nhất trí bản di chúc được lập đúng di nguyện của mình nên đã điểm chỉ ngón trỏ phải vào từng trang trong Bản di chúc. Sau đó ông K chứng thực bản di chúc theo quy định.

* Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 10-02-2023 của Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, đã Quyết định:

Căn cứ vào các Điều 652, Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 611, 612, 613, 623, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;Các Điều 227, 228, 229, 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/10/2018; Luật Hôn nhân gia đình 1959; Điều 106 Luật Đất Đai 2013*;*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lều Văn CH.

2. Các đương sự được quyền sử dụng tài sản như sau:

- Chia cho vợ chồng ông Lều Văn CH và bà Lại Thị H2 được hưởng phần đất có diện tích S1= 375m^2, trong đó (ONT: 210m^2, NTS :165m^2), được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,18,17,9,10,11,1) thuộc tờ bản đồ số 7, thửa 41 tại xóm 5, xã Hải Phương, được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P426881 vào sổ cấp giấy số 823 ngày 20/11/1996 đứng tên hộ bà Lều Thị Hỗ (đã đính CHnh tại trang 4 thành hộ bà Vũ Thị Nụ số 1805 ngày 28/04/2020) và được quyền sở hữu các công trình trên đất do ông CH, bà H2 xây dựng sửa chữa.

- Chia cho ông Lều Văn K được hưởng phần đất có diện tích S2 = 90m^2 (đất NTS), được giới hạn bởi các điểm (16,17,18,19,16), thuộc tờ bản đồ số 7, thửa 41 tại xã Hải Phương được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P426881 vào sổ cấp giấy số 823 ngày 20/11/1996 đứng tên hộ bà Lều Thị Hỗ (đã đính CHnh tại trang 4 thành hộ bà Vũ Thị Nụ số 1805 ngày 28/04/2020).

- Chia cho ông Lều Văn H được hưởng phần đất có diện tích S3 = 155m^2 (trong đó: CLN 140m^2, NTS 15m^2), được giới hạn bởi các điểm (5,6,7,8,16,19,5), thuộc tờ bản đồ số 7, thửa 41 tại xóm 5, xã Hải Phương được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P426881 vào sổ cấp giấy số 823 ngày 20/11/1996 đứng tên hộ bà Lều Thị Hỗ (đã đính CHnh tại trang 4 thành hộ bà Vũ Thị Nụ số 1805 ngày 28/04/2020).

3. Giao cho ông Lều Quang H được quyền quản lý phần đất diện tích 200m^2 (trong đó: 100m^2 đất vườn, 100m^2 đất (TIN), tờ bản đồ số 7, thửa 41 tại xóm 5, xã Hải Phương để làm nơi thờ cúng từ đường họ Lều được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P426881 vào sổ cấp giấy số 823 ngày 20/11/1996 đứng tên hộ bà Lều Thị Hỗ (đã đính CHnh tại trang 4 thành hộ bà Vũ Thị Nụ số 1805 ngày 28/04/2020).

4. Buộc vợ chồng ông Lều Văn CH, bà Lại Thị H2 có trách nhiệm tháo rỡ bức tường bi đã xây dựng trên phần đất giao cho ông H quản lý tại tờ bản đồ số 7, thửa 41 tại xóm 5, xã Hải Phương.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo.)

Các đương sự có trách nhiệm L hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án của Tòa án.

Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P426881 cấp ngày 20/11/1996, đứng tên hộ bà Lều Thị Hỗ (được đính CHnh thành hộ bà Vũ Thị Nụ) hiện đang do ông Lều Văn CH giữ. Ông CH có trách nhiệm bàn giao cho những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan khi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của Bản án có hiệu lực pháp luật khi đương sự có yêu cầu.

5. Ông Lều Văn Kh1 phải có trách nhiệm TH1 toán trả lại ông CH, bà H2 04 chỉ vàng 9999 (tại phiên tòa ông Kh1 nhất trí trả lại ông CH, bà H2 khi bà H2, ông CH yêu cầu, nếu ông Kh1 không tự nguyện trả phải nộp CH1 phí thi hành án theo quy định pháp luật)

6. Ông Lều Văn H và ông Lều Văn K mỗi ông phải có trách nhiệm trả cho ông CH, bà H2 4.000.000 đồng tiền CH1 phí xem xét thẩm định đo đạc và định giá tài sản (nếu ông H, ông K không tự nguyện trả phải nộp CH1 phí thi hành án theo quy định pháp luật).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

**** Ngày 24-02-2023, ông Lều Văn CH và bà Lều Thị CH1 có kháng cáo với nội dung:*** Đề nghị sửa án sơ thẩm như sau:

1. Không chấp nhận việc xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Nụ là một nửa diện tích 310m^2 mà các đồng thừa kế của cụ My còn sống là Lều Thị CH1, Lều Quang H thống nhất xác định di sản của cụ My để lại là tài sản chung chưa Chia để Chia cho ông Lều Quang H được hưởng phần di sản của cụ Nguyễn Thị My 155m^2.

2. Đề nghị xác định cụ My chết năm 1955 không để lại di chúc nên thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế là đã hết. Đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện để Chia cho ông, bà được quyền sử dụng diện tích 310m^2 là di sản của cụ My để lại theo quy định của pháp luật vì gia đình ông CH là người đang quản lý di snar này nhiều năm.

* Tại phiên tòa:

- Bà Lều Thị CH1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Thông qua K sát việc giải quyết vụ án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lều Văn CH và bà Lều Thị CH1 làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự Ph thẩm.

[2] Về thời hiệu:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lều Văn CH đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khi giải quyết vụ án.

Các đương sự đều xác nhận: Cụ Nguyễn Thị My chết năm 1955 nhưng không biết ngày tháng cụ thể, hiện nay cũng không có tài liệu ghi nhận thời điểm cụ My chết. Cụ Lều Văn Hỗ chết ngày 21/12/1981 nên thời điểm mở thừa kế được xác định là ngày 10/9/1990; theo Án lệ số 26/2018/AL đã được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018. Cụ Vũ Thị Nụ (tức Lều Thị Hỗ) chết ngày 21/3/2007. Tính đến nay, thời hiệu Chia di sản của cụ Lều Văn Hỗ, cụ Nguyễn Thị My là đã hết nhưng thời hiệu khởi kiện Chia di sản của cụ Vũ Thị Nụ vẫn còn.

Vậy nên, Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận việc áp dụng thời hiệu khởi kiện Chia di sản thừa kế của cụ Lều Văn Hỗ, Nguyễn Thị My, Vũ Thị Nụ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Dân sự.

[3] Các tình tiết, sự kiện trong vụ án được các đương sự đều thừa nhận:

- Vợ chồng cụ Lều Văn Hỗ và cụ Nguyễn Thị My sinh được 03 người con là bà Lều Thị CH1, ông Lều Ngọc Châu và ông Lều Văn H (Lều Quang H). Cụ Lều Văn Hỗ chết ngày 21/12/1981, cụ Nguyễn Thị My, chết năm 1955. Ông Lều Ngọc Châu chết năm 1972, chưa có vợ con. Sau khi cụ My chết, cuối năm 1955 cụ Hỗ kết hôn với cụ Vũ Thị Nụ (cụ Lều Thị Hỗ), sinh được 06 người con chung gồm: Ông Lều Văn Ph, Lều Văn K, Lều Văn A, Lều Văn Kh1, Lều Văn Lạc và Lều Văn CH. Cụ Vũ Thị Nụ chết ngày 21/3/2007. Ông Lều Văn Lạc chết năm 2019; ông Lạc có vợ là Phạm Thị X và 03 con là: Lều Thị L, Lều Thị TH1, Lều Văn Qu.

- Cụ Lều Văn Hỗ và cụ Nguyễn Thị Mỵ chết đều không để lại di chúc; cụ Vũ Thị Nụ có di chúc lập ngày 25/4/2003 và đã được UBND xã Hải Phương chứng thực ngày 25/4/2003.

- Từ khi kết hôn, vợ chồng ông Lều Văn CH chung sống cùng cụ Vũ Thị Nụ trên thổ đất. Quá trình sử dụng, vợ chồng ông Lều Văn CH có sửa chữa và xây dựng một số công trình: Năm 1992, xây thêm khu vệ sinh, nhà tắm; năm 2016 tu sửa lại nhà cấp bốn của hai cụ, lợp mái tôn.

- Thửa đất số 41 tại tờ bản đồ số 7, diện tích 620m^2 tại xã Hải Phương là của cha ông để lại; do hai cụ Lều Văn Hỗ và Nguyễn Thị Mỵ đến ở và quản lý từ khoảng năm 1954. Năm 1955 cụ Mỵ chết, cụ Hỗ kết hôn với cụ Vũ Thị Nụ và tiếp tục ở trên thửa đất này. Năm 1981, cụ Lều Văn Hỗ chết, cụ Vũ Thị Nụ ở, quản lý, kê khai đất qua các thời K. Cụ Lều Văn Hỗ và cụ Vũ Thị Nụ có xây một nhà trên đất vào năm 1974. Ngày 20/11/1996, Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P426881 đứng tên hộ bà Lều Thị Hỗ (lấy theo tên của cụ Lều Văn Hỗ, đã đính CHnh thành hộ bà Vũ Thị Nụ), gồm: Thửa số 41, tờ bản đồ số 7, diện tích 620m^2 (trong đó 210 m^2 đất ở, 140 m^2 đất vườn, 270 m^2 ao nuôi cá) và thửa số 37, tờ bản đồ số 7, diện tích 200m^2 (trong đó 100m^2 XDCB, 100m^2 vườn), địa chỉ tại: xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- Qua xem xét việc quản lý, kê khai quyền sử dụng đất qua các thời K tại Bản đồ 299 năm 1986, Sổ mục kê năm 1987, Sổ mục kê năm 1991, Sổ địa CHnh năm 1997, Sổ mục kê năm 1999 đều thể hiện phần đất 200m^2 này là đất từ đường họ Lều, được cấp trong cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Vũ Thị Nụ. Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 7, diện tích 200m^2 không phải là di sản thừa kế của cụ Hỗ, cụ Mỵ, cụ Nụ mà thuộc quyền quản lý của từ đường họ Lều.

- Các đương sự đều không đề nghị giải quyết phân Chia tài sản trên đất.

[3] Xét kháng cáo của bà Lều Thị CH1, ông Lều Văn CH, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Tại Đơn đề nghị (BL 161) bà Lều Thị CH1 có quan điểm thể hiện: "… Thửa đất đang tranh chấp do các cụ để lại cho bố mẹ tôi sử dụng, sau đó bố tôi và cụ Nụ tiếp tục sử dụng. Đến nay, thời hiệu Chia di sản thừa kế của bố tôi là Lều văn Hỗ và mẹ tôi là Nguyễn Thị Mỵ đã hết; phần di sản của mẹ tôi trong khối di sản là tài sản chung chưa Chia, giữa tôi và các thừa kế khác không có thỏa thuận gì về việc phân Chia, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. …"

Ngày 13-6-2023, bà Lều Thị CH1 có quan điểm: Đề nghị TAND tỉnh Nam Định tiến hành trưng cầu giám định tại Viện khoa học hình sự- Bộ Công an đối với chữ viết, chữ ký của bà tại "Đơn đề nghị" (BL 161)

Tại Kết luận giám định số 198/KL-KTHS ngày 19-7-2023 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận:Chữ viết "Lều Thị CH1" và chữ ký "CH1" dưới mục "Người đề nghị" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Lều Thị CH1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết, ký ra.

3.2. Cụ Lều Văn Hỗ và cụ Nguyễn Thị Mỵ, cụ Lều Văn Hỗ và cụ Vũ Thị Nụ đều chung sống với nhau từ trước năm 1959 nên tất cả các tài sản có trước và sau hôn nhân được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế của cụ Lều Văn Hỗ, cụ Nguyễn Thị Mỵ và cụ Vũ Thị Nụ là thửa đất có diện tích 620m^2 (trong đó 210 m^2 đất ở, 140m^2 đất vườn tạp, 270 m^2 ao nuôi cá) thuộc tờ bản đồ số 7, thửa 41 tại xã Hải Phương là hoàn toàn có căn cứ.

Cụ Nguyễn Thị Mỵ chết năm 1955, không để lại di chúc, thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế đã hết. Căn cứ Điều 15 luật hôn nhân gia đình năm 1959, tài sản chung vợ chồng thì vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới. Do vậy, di sản thừa kế của cụ Mỵ được xác định là một nửa diện tích đất trên là 310m^2. *Các đồng thừa kế của cụ Mỵ còn sống là ông H và bà CH1 thống nhất xác định di sản của cụ Mỵ để lại là tài sản chung chưa Chia và từ trước đến nay không có việc thỏa thuận về việc phân Chia di sản của cụ Hỗ và cụ Mỵ. Cấp sơ thẩm đã căn cứ tiểu mục a.3, mục 2.4, điểm 2, khoản 1 Nghị quyết 02/*2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình xác định *phần di sản của cụ Mỵ được Chia đều cho bà CH1, ông H mỗi người được 155m^2 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bà CH1 tự nguyện để phần mình được hưởng cho ông CH, do vậy ông CH được hưởng 155m^2 đất trong phần thừa kế của cụ Mỵ.*

Như vậy, xác định di sản chung của cụ Lều Văn Hỗ và cụ Vũ Thị Nụ còn là 310m^2. Ông Lều Văn CH có yêu cầu áp dụng thời hiệu; do đã hết thời hiệu khởi kiện Chia di sản của cụ Lều Văn Hỗ. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập và được các đương sự đều thừa nhận thì sau khi các cụ chết, phần di sản của các cụ do ông CH quản lý có diện tích 440m^2, ông K quản lý phần đất có diện tích 180m^2. Đến nay cả ông CH và ông K đều có nguyện vọng được giao đất để sử dụng. Do ông CH và ông K là các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hỗ; cấp sơ thẩm đã Chia tỷ lệ theo phần và Chia cho ông CH được 110m^2 và ông K được Chia 45m^2 cũng tương đối là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của đương sự.

3.3. Như nội dung phân tích trên, cụ Nguyễn Thị Mỵ chết năm 1955, không để lại di chúc, thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế đã hết. Các đồng thừa kế của cụ Mỵ là ông H và bà CH1 thống nhất xác định di sản của cụ Mỵ để lại là tài sản chung chưa Chia và từ trước đến nay không có việc thỏa thuận về việc phân Chia di sản của cụ Hỗ và cụ Mỵ. Vậy nên, phần di sản của cụ Mỵ được Chia đều cho bà CH1, ông H mỗi người được 155m^2. Do bà CH1 tự nguyện để phần mình được hưởng cho ông CH nên ông CH được hưởng 155m^2 đất trong phần thừa kế của cụ Mỵ. Do vậy, kháng cáo đề nghị Chia cho vợ chồng ông Lều Văn CH, bà Lại Thị Huệ được quyền sử dụng diện tích 310m^2 là di sản của cụ Mỵ để lại là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Tại cấp Ph thẩm, không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới khác nên kháng cáo không có căn cứ, không được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự Ph thẩm. Bà Lều Thị CH1 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện hải Hậu có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án Ph thẩm.

2. Án phí dân sự Ph thẩm: Miễn án phí dân sự Ph thẩm cho bà Lều Thị CH1 do là người cao tuổi.

Ông Lều Văn CH phải nộp 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng ông Lều Văn CH đã nộp tại biên lai thu tiền số 006560 ngày 24-02-2023 tại CH1 cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; ông CH đã nộp xong án phí dân sự Ph thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án Ph thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng **Nguyễn Tiến Dũng** **Mai Thị Minh Hồng**